TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16/8/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Thắng;

2. Ông Huỳnh Văn Tý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 166/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị N.T.Th**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: tổ , ấp P, xã PT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

* *Bị đơn:* **Anh P.V.C.T,** sinh năm 1990;

Địa chỉ: tổ , ấp P, xã PT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn chị Th có mặt; bị đơn anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị N.T.Th trình bày như sau*: Chị và anh P.V.C.T tự tìm hiểu, tiến tới kết hôn với nhau vào năm 2009, có tổ chức đám

cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Chị và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 12/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là anh T thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th yêu cầu được ly hôn với anh P.V.C.T; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên là P.T.T.D, sinh ngày 14/02/2010 và P.V.C.L, sinh ngày 29/10/2014. Sau ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ anh T đến để tiến hành hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao 02 cháu P.T.T.D, sinh ngày 14/02/2010 và P.V.C.L, sinh ngày 29/10/2014 cho chị Th được chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị Th yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh P.V.C.T (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 12/10/2011 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng chị Th và anh T phát sinh mâu thuẫn, chị Th xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, chị Th cho rằng do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà, không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian ly thân đã lâu, anh T không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc chị cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập anh T để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th thể hiện anh T không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Th và anh T thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Th được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung:

Chị Th xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung tên P.T.T.D, sinh ngày 14/02/2010 và P.V.C.L, sinh ngày 29/10/2014, hiện nay đang sống với chị Th. Sau ly hôn, chị Th yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu D và cháu L hiện nay đang sống với chị Th, cháu D và cháu L có nguyện vọng được sống với chị Th, do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D và cháu L, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, HĐXX giao 02 cháu D và cháu L cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Chị Th phải tạo điều kiện cho anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị Th và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.Th.

- Về hôn nhân: Chị N.T.Th được ly hôn với anh P.V.C.T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 119, ngày 12/10/2011 do Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho chị N.T.Th và anh P.V.C.T không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên P.T.T.D, sinh ngày 14/02/2010 và P.V.C.L, sinh ngày 29/10/2014 cho chị Th được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Th không có yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th trình bày không có nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa chị Th và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án sơ thẩm: Chị N.T.Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009245 ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Anh P.V.C.T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Phú Thuận;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân